



Prime
Medical
Care

GÓI KIỂM TRA SỨC KHỎE TỔNG QUÁT

GÓI KHÁM SỨC KHỎE
TIÊU CHUẨN

GÓI KHÁM SỨC KHỎE
NÂNG CAO

GÓI KHÁM SỨC KHỎE
CAO CẤP

HEALTHCARE EXCELLENCE
FOR LIFE INFINITY



STT	NHÓM DỊCH VỤ		DỊCH VỤ	NAM	NỮ
I	LÂM SÀNG				
1	Khám Nội tổng quát			X	X
2	Khám Phụ khoa				X
3	Khám Tai - Mũi - Họng			X	X
4	Khám Răng			X	X
5	Khám Mắt			X	X
II	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
1	Siêu âm	Siêu âm ổ bụng		X	X
2		Siêu âm Doppler tuyến giáp và hạch vùng cổ		X	X
3		Siêu âm tiền liệt tuyến		X	
4		Siêu âm Doppler tử cung, phần phụ			X
5	Xquang	Chụp Xquang ngực thẳng		X	X
III	THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
1	Điện tâm đồ			X	X
2	Đo thị lực			X	X
3	Nội soi Tai Mũi Họng			X	X
IV	XÉT NGHIỆM				
1	Huyết học	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi		X	X
2	Chức năng Thận - tiết niệu	Định lượng Ure		X	X
3		Định lượng Creatinin		X	X
4		Tổng phân tích nước tiểu		X	X
5		Đo hoạt độ AST (GOT)		X	X
6	Chức năng Gan - Mật	Đo hoạt độ ALT (GPT)		X	X
7		Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)		X	X
8		Định lượng Bilirubin toàn phần		X	X
9		Chuyển hóa đường		Định lượng Glucose	X
10	Chuyển hóa đạm		Định lượng Acid Uric	X	X
11	Chuyển hóa mỡ	Định lượng Cholesterol toàn phần		X	X
12		Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)		X	X
13		Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol)		X	X
14		Định lượng Triglycerid		X	X
15	Xét nghiệm tế bào		Xét nghiệm tế bào cổ tử cung (PAP smear)		X
GIÁ GÓI (VNĐ)				5,700,000	6,800,000



GÓI KHÁM SỨC KHỎE NÂNG CAO

STT	NHÓM DỊCH VỤ	DỊCH VỤ	NAM	NỮ
I	LÂM SÀNG			
1	Khám Nội tổng quát		X	X
2	Khám Phụ khoa			X
3	Khám Tai - Mũi - Họng		X	X
4	Khám Răng		X	X
5	Khám Mắt		X	X
II	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			
1	Siêu âm	Siêu âm ổ bụng	X	X
2		Siêu âm Doppler tuyến vú		X
3		Siêu âm Doppler động mạch cảnh	X	X
4		Siêu âm Doppler tim	X	X
5		Siêu âm Doppler tuyến giáp và hạch vùng cổ	X	X
6		Siêu âm tiền liệt tuyến	X	
7		Siêu âm Doppler tử cung, phần phụ		X
8	CT-Scan, MRI	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp	X	X
9		Chụp cộng hưởng từ não - mạch não không tiêm chất tương phản	X	X
III	THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
1	Điện tâm đồ		X	X
2	Đo thị lực		X	X
3	Đo khúc xạ máy		X	X
4	Nội soi Tai Mũi Họng		X	X
IV	XÉT NGHIỆM			
1	Huyết học	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	X	X
2	Chức năng Thận - tiết niệu	Định lượng Ure	X	X
3		Định lượng Creatinin	X	X
4		Tổng phân tích nước tiểu	X	X
5		Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X
6	Chức năng Gan - Mật	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X
7		Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	X	X
8		Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X
9		Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X
10		Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X



GÓI KHÁM SỨC KHỎE NÂNG CAO

STT	NHÓM DỊCH VỤ	DỊCH VỤ	NAM	NỮ
IV	XÉT NGHIỆM			
11	Virus viêm gan	HBsAg miễn dịch tự động	X	X
12		HCV Ab miễn dịch tự động	X	X
13	Chuyển hóa đường	Định lượng Glucose	X	X
14	Chuyển hóa đạm	Định lượng Acid Uric	X	X
15	Chuyển hóa mỡ	Định lượng Cholesterol toàn phần	X	X
16		Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X
17		Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X
18		Định lượng Triglycerid	X	X
19	Chức năng tuyến giáp	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X	X
20		Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X
21	Dấu ấn ung thư phổi	Định lượng Cyfra 21- 1	X	X
22	Dấu ấn ung thư gan	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X
23	Dấu ấn ung thư đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày, ruột, đại trực tràng, tụy)	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	X	X
24		Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	X	X
25	Dấu ấn ung thư vú	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)		X
26	Dấu ấn ung thư tử cung-buồng trứng	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)		X
27	Dấu ấn ung thư tiền liệt tuyến	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	X	
28		Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	X	
29	Xét nghiệm vi sinh	Xét nghiệm HPV dịch cổ tử cung		X
30	Xét nghiệm tế bào	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung (PAP smear)		X
GIÁ GÓI (VNĐ)			13.600.000	15.600.000



STT	NHÓM DỊCH VỤ		DỊCH VỤ	Nam	Nữ
I	LÂM SÀNG				
1	Khám Nội tổng quát			X	X
2	Khám Phụ khoa				X
3	Tư vấn Nam khoa			X	
4	Khám Tai - Mũi - Họng			X	X
5	Khám Răng			X	X
6	Khám Mắt			X	X
II	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
1	Siêu âm	Siêu âm ổ bụng		X	X
2		Siêu âm Doppler tuyến vú			X
3		Siêu âm Doppler động mạch cảnh		X	X
4		Siêu âm Doppler tim		X	X
5		Siêu âm Doppler tuyến giáp và hạch vùng cổ		X	X
6		Siêu âm tiền liệt tuyến		X	
7		Siêu âm Doppler tử cung, phần phụ			X
8	CT-Scan, MRI	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang		X	X
9		Chụp cộng hưởng từ não - mạch não không tiêm chất tương phản		X	X
III	THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
1	Điện tâm đồ			X	X
2	Đo thị lực			X	X
3	Đo khúc xạ máy			X	X
4	Nội soi Tai Mũi Họng			X	X
5	Nội soi Thực quản - Dạ dày - Tá tràng			X	X
6	Nội soi Đại trực tràng toàn bộ			X	X
7	Gây mê Nội soi tiêu hóa toàn bộ			X	X
8	Sinh thiết làm test HP			X	X
IV	XÉT NGHIỆM				
1	Huyết học		Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi	X	X
2	Đông máu cơ bản		Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time)	X	X
3			Định lượng Fibrinogen	X	X
4	Chức năng Thận - tiết niệu		Định lượng Ure	X	X
5			Định lượng Creatinin	X	X
6			Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X	X



STT	NHÓM DỊCH VỤ	DỊCH VỤ	Nam	Nữ
IV	XÉT NGHIỆM			
7	Chức năng Thận - tiết niệu	Tổng phân tích nước tiểu	X	X
8	Virus viêm gan	HBsAg miễn dịch tự động	X	X
9		HCV Ab miễn dịch tự động	X	X
10	Chức năng Gan - Mật	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X
11		Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X
12		Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	X	X
13		Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X
14		Định lượng Bilirubin trực tiếp	X	X
15		Định lượng Bilirubin gián tiếp	X	X
16		Định lượng Protein toàn phần	X	X
17		Định lượng Albumin	X	X
18	Chức năng Cơ - Xương	Định lượng Calci toàn phần	X	X
19		Định lượng Calci ion hóa	X	X
20		Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)	X	X
21	Chuyển hóa đường	Định lượng Glucose	X	X
22	Chuyển hóa đạm	Định lượng Acid Uric	X	X
23	Chuyển hóa mỡ	Định lượng Cholesterol toàn phần	X	X
24		Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X
25		Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X
26		Định lượng Triglycerid	X	X
27		Non-HDL-Cholesterol	X	X
28	Chuyển hóa sắt	Định lượng Sắt	X	X
29		Định lượng Ferritin	X	X
30	Chức năng tuyến giáp	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X	X
31		Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X
32	Dấu ấn ung thư phổi	Định lượng Cyfra 21- 1	X	X
33	Dấu ấn ung thư gan	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X
34	Dấu ấn ung thư đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày, ruột, đại trực tràng, tụy)	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	X	X
35		Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4)	X	X
36		Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	X	X



STT	NHÓM DỊCH VỤ	DỊCH VỤ	Nam	Nữ
IV	XÉT NGHIỆM			
37	Dấu ấn ung thư vú	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)		X
38	Dấu ấn ung thư tử cung-buồng trứng	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)		X
39	Dấu ấn ung thư tiền liệt tuyến	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	X	
40		Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	X	
41	Xét nghiệm vi sinh	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo)		X
42		Vi nấm nhuộm soi (dịch âm đạo)		X
43		Xét nghiệm HPV dịch cổ tử cung		X
44	Xét nghiệm tế bào	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung (PAP smear)		X
GIÁ GÓI (VNĐ)			21.500.000	22.500.000

SO SÁNH GÓI KHÁM SỨC KHỎE



STT	NỘI DUNG	TIÊU CHUẨN	NÂNG CAO	CAO CẤP
1	Khách hàng	KH dưới 40 tuổi, kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm.	- KH từ 40 đến dưới 60 tuổi, hoặc: - Có yếu tố nguy cơ: Mắc bệnh mạn tính, lối sống thiếu lành mạnh (bia rượu, thuốc lá...), tiền sử gia đình mắc các bệnh hiểm nghèo, ung thư...	- KH trên 40 tuổi; hoặc: - Có bệnh nền, lối sống không lành mạnh (bia rượu, thuốc lá,...), tiền sử gia đình mắc bệnh lý hiểm nghèo; hoặc - Mong muốn tầm soát sức khỏe toàn diện nhất.
2	Tổng quát gói khám	Khám kiểm tra sức khỏe loại trừ các bệnh lý mạn tính, bệnh lý mới mắc phải.	Tập trung kiểm tra sức khỏe tổng quát, thêm vào kiểm tra chuyên sâu nhóm: Bệnh lý tim mạch; Bệnh lý não, mạch não; Bệnh lý tiêu hóa; Sàng lọc ung thư bằng chẩn đoán hình ảnh và các dấu ấn chỉ điểm...	Tập trung khám toàn diện các chức năng cơ thể. Tầm soát đầy đủ các bệnh lý có thể gặp: Các dấu ấn chỉ điểm về các loại ung thư, tầm soát chuyên sâu các vấn đề đường tiêu hóa, các yếu tố nguy cơ tim mạch, đột quỵ và các vấn đề cơ xương khớp.
3	Danh mục khám	Khám Nội, TMH, Răng, Mắt, Phụ khoa	Khám Nội, TMH, Răng, Mắt, Phụ khoa	Khám Nội, TMH, Răng, Mắt, Phụ khoa, tư vấn Nam khoa
4	Danh mục xét nghiệm	Danh mục ở mức cơ bản thường quy: Chức năng gan, thận, mật, tiết niệu, chuyển hóa đường, mỡ, đạm, công thức máu, xét nghiệm tế bào (Papsmear - nữ).	Ngoài danh mục như gói Tiêu chuẩn, trong gói Nâng cao bổ sung thêm dịch vụ: 6 loại mắc cơ ung thư: Phổi, gan, đường tiêu hóa (thực quản, dạ dày, ruột, đại trực tràng, tụy), vú, tiền liệt tuyến, cổ tử cung (HPV-nữ) - Chức năng tuyến giáp - Xét nghiệm Viêm gan B, C	Ngoài danh mục như gói Nâng cao, trong gói Cao cấp bổ sung thêm dịch vụ: - Siêu âm tim - Chụp CT ngực - MRI sọ não - Nội soi tiêu hóa tiền mê không đau
5	Danh mục chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	Danh mục thường quy: Siêu âm bụng, tuyến giáp, X quang ngực, Đo thị lực, Nội soi tai mũi họng, điện tâm đồ.	Ngoài danh mục như gói Tiêu chuẩn, trong gói Nâng cao bổ sung thêm dịch vụ: - Siêu âm tim - Chụp CLVT Phổi lớp mỏng - MRI sọ não	Ngoài danh mục như gói Nâng cao, trong gói Cao cấp bổ sung thêm dịch vụ: - Chụp CT ngực toàn bộ - Nội soi dạ dày thực quản, Nội soi đại tràng toàn bộ tiền mê không đau
6	Thời gian khám dự kiến	4 giờ	1 ngày	2 ngày
7	Tổng số danh mục	25 (nam) 27 (nữ)	41 (nam) 44 (nữ)	58 (nam) 62 (nữ)
8	Giá niêm yết (VNĐ)	5.700.000đ (nam) 6.800.000đ (nữ)	13.600.000đ (nam) 15.600.000đ (nữ)	21.500.000đ (nam) 22.500.000đ (nữ)